

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 10-7-2019  
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Biên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Tài

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thúy Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 2 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 8A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư P-Văn phòng luật sư Lộc Phát thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

**2. Bị đơn:** Anh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 8A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 của nguyên đơn chị Q và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh H sống chung với nhau từ năm 2003, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 14/2/2005.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh quá nhiều mâu thuẫn do cả hai có quan điểm sống khác nhau, về tình cảm vợ chồng không hòa hợp, công việc làm ăn sinh sống giữa vợ chồng không thống nhất, anh H ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau, phần ai người đó sống. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến nay không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi người và cả con cái nên chị Q yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung là Võ Lê Trâm A, sinh ngày 10/01/2008 và Võ Lê Bảo A, sinh ngày 12/7/2015. Nay ly hôn chị Q yêu cầu được nuôi cả 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Quá trình sống chung vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị Q trình bày vợ chồng không có nợ chung.

*Bị đơn anh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian sống chung, đăng kí kết hôn, tổ chức lễ cưới, sự tự nguyện kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng thì do anh chỉ ham chơi cờ bạc nhưng vẫn lo làm ăn, vì thương con nên anh không đồng ý ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị Q phải nuôi tốt cả 02 con chung.

- Về con chung: anh H thống nhất như chị Q trình bày. Tuy nhiên, nếu vợ chồng ly hôn anh H cũng yêu cầu được nuôi cả 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh thống nhất như chị Q trình bày, vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Sau đó chị Q có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nữa.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Q được ly hôn với anh H. Về con chung: đề nghị giao con chung là Võ Lê Trâm A và Võ Lê Bảo A, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh H quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng 05 tháng thì được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/2/2005 là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, chị Q và anh H đều thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ham chơi cờ bạc, không chịu làm ăn để chăm lo cho gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, phần ai người đó sống và thực tế vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12/2018 đến nay.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2019, anh H trình bày vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, về tình cảm, về kinh tế, cách nuôi dạy con cái nên đồng ý ly hôn với chị Q và đồng ý giao 02 con chung cho chị Q nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên hoà giải ngày 15/5/2019, anh thay đổi ý kiến chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị Q phải nuôi dạy tốt cả 02 con chung, đồng thời anh cũng yêu cầu được nuôi cả 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa anh H khẳng định chơi cờ bạc là thú vui từ nhỏ, khi cưới vợ chị Q đã biết, anh chơi cờ bạc với mức độ lớn và đến nay anh khó từ bỏ. Anh không đồng ý ly hôn thực tế vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12/2018 đến nay, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị: trong cuộc sống chung do anh H ham chơi cờ bạc, không thể từ bỏ được nên vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, về kinh tế sa sút, không chăm lo cho con cái dẫn đến mâu thuẫn kéo dài gây ảnh hưởng đến cuộc sống chung của gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Q và anh H được

ly hôn và giao cả 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những cơ sở nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định trong cuộc sống chung giữa chị Q và anh H không hạnh phúc, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng kéo dài do anh H thường xuyên chơi cờ bạc với mức độ lớn, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Q và anh H được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị Q và anh H có với nhau 02 người con chung là Võ Lê Trâm A, sinh ngày 10/01/2008 và Võ Lê Bảo A, sinh ngày 12/7/2015. Hiện nay các con chung do chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cháu Võ Lê Trâm A trình bày nguyện được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị Q yêu cầu được nuôi cả 02 con chung còn anh H trình bày lúc đồng ý giao con cho chị Q nuôi dưỡng, lúc yêu cầu được nuôi cả 02 con chung là không thống nhất về ý chí nguyện vọng nuôi con chung. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà anh H thừa nhận anh là người ham chơi cờ bạc với mức độ lớn và qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện như vậy, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nên có cơ sở khẳng định anh ít quan tâm chăm sóc gia đình. Điều đó cho thấy nếu giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập và phát triển bình thường của các con chung nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là Võ Lê Trâm A, sinh ngày 10/01/2008 và Võ Lê Bảo A, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Chị Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, còn anh H trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Q và anh H đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q xin ly hôn nên buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật

dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Q với anh H.

Xử cho chị Q được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Lê Trâm A, sinh ngày 10/01/2008 và Võ Lê Bảo A, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.*

3. Về án phí: Buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012789 ngày 19/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã V, Ba Tri, Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Biên**